

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 12-5-2022  
V/v Ly hôn và con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Sự.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Đình Diệu

Ông Hoàng Đắc Hân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Đình Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 437/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021 về việc ly hôn và con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn 1, xã KB, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Thế Tu, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn 1, xã KB, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thế Tu kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 14/9/2007 tại Ủy ban nhân dân xã KB, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Sau cưới chị T và anh Tu về làm ăn sinh sống tại thôn 1, xã KB. Quá trình chung sống vợ chồng hoà T hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hoà hợp, bất đồng quan điểm trong việc làm ăn kinh tế, anh Tu không quan tâm đến gia đình, vợ chồng xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hoà giải nhưng không thành. Do mâu thuẫn T và anh Tu đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thế Tu.

2. Về con chung: Chị T trình bày chị và anh Tu có hai con chung là Nguyễn Anh Công, sinh ngày 28/11/2009 và Nguyễn Quốc Minh, sinh ngày 11/10/2014. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, trường hợp anh Tu không đồng ý thì chị T đề nghị được nuôi con chung Nguyễn Quốc Minh; anh Tu trực tiếp nuôi con Nguyễn Anh Công. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T đề nghị để chị và anh Tu tự thỏa T giao nhận cho nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

3. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Bị đơn là anh Nguyễn Thế Tu trong quá trình giải quyết vụ án có những ý kiến trình bày như sau: Về quan hệ hôn nhân: Tu thống nhất với lời khai của chị T về thời gian, điều kiện kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh Tu mải chơi, anh Tu đề nghị Tòa án giải quyết theo đơn yêu cầu của chị T. Về con chung: Anh Tu trình bày anh và chị T có hai con chung là Nguyễn Anh Công, sinh ngày 28/11/2009 và Nguyễn Quốc Minh, sinh ngày 11/10/2014, khi ly hôn anh Tu đề nghị được nuôi cả hai con, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Anh Tu không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn. Anh Tu không đến Tòa án để giải quyết vụ việc.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc Tu theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà trong quá trình giải quyết vụ án đã Tu thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia

đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Về hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Thế Tu; về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi con Nguyễn Quốc Minh, sinh ngày 11/10/2014; anh Nguyễn Thế Tu trực tiếp nuôi con Nguyễn Anh Công, sinh ngày 28 tháng 11 năm 2009; về tài sản chung: Chị T và anh Tu không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuân vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Thế Tu đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thế Tu được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KB theo Giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 14/9/2007 là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hoà T, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống, bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế, chị T và anh Tu đã sống ly thân. Do không còn tình cảm, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tu. Tài liệu xác minh thể hiện mâu thuẫn giữa chị T và anh Tu đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T xin ly hôn anh Tu, căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Thế Tu.

[3]. Về con chung: Chị T trình bày chị và anh Tu có hai con chung là Nguyễn Anh Công, sinh ngày 28/11/2009 và Nguyễn Quốc Minh, sinh ngày 11/10/2014. Khi ly hôn chị T và anh Tu đều đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con chung. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét về mọi mặt và đảm bảo quyền lợi của con chung. Chị T trình bày trường hợp anh Tu không đồng ý để chị nuôi cả hai con chung thì chị đề nghị được nuôi con Nguyễn Quốc Minh; mặt khác con Nguyễn Quốc Minh có nguyện vọng được ở cùng với mẹ, con Nguyễn Anh Công có nguyện vọng ở cùng với bố. Vì vậy căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Nguyễn Quốc Minh cho chị

T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Anh Công cho anh Tu trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và anh Tu không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Chị T và anh Tu không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thế Tu có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Về hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Thế Tu.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Quốc Minh, sinh ngày 11/10/2014; giao cho anh Nguyễn Thế Tu trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Anh Công, sinh ngày 28/11/2009; cho đến khi từng con trưởng thành và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm và chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thế Tu không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thế Tu không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007651 ngày 15 tháng 11 năm 2021

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TN, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thế Tu vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện TN;
- Chi cục THADS huyện TN;
- UBND xã KB, TN, Hải Phòng;  
(Giấy CNKH số 64 ngày 14/9/2007);
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Sự**